TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2021/HC-PT
Ngày 30 tháng 11 năm 2021.
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Tô Chánh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 118/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST Ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2378/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1921(Chết ngày 19/8/2013).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị T:

1.1. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1953 (vắng mặt).

1.2. Bà Bồ Thị Th, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 30, tổ 1, khu phố Đồng S, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị G: Bà Bồ Thị Th, sinh 1960.

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Lê Thị Kim L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã C (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Xuân T1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 194, ấp 5, xã Tân H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Xuân T1: Ông Trần Đăng T, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp II Tây, xã L, huyện Xuân M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020).

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện B, tỉnh Bình Dương (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3.4. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3.5. Nông trường cao su Tân H (trực thuộc Công ty cổ phần cao su Phước H1). Địa chỉ: xã Hưng Hòa, huyện B, tỉnh Bình Dương (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Bùi Xuân T1 - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2011, người khởi kiện cụ Đỗ Thị T trình bày: Nguồn gốc diện tích 5.669m^2 đất là của cố Đỗ văn N (cha của cụ Đỗ Thị T) khai phá, sử dụng. Năm 1966, gia đình cụ T bị chính quyền chế độ cũ gom vào ấp chiến lược nên không sử dụng đất. Sau giải phóng, gia đình cụ T tiếp tục sử dụng đất để trồng hoa màu từ năm 1975 cho đến năm 1979. Năm 1980, Nông trường Cao su Tân H (Viết tắt là Nông trường Tân H) và chính quyền địa phương vận động gia đình cụ T và một số hộ dân khác đồng ý cho Nông trường mượn đất để làm vườn ươm. Sau một thời gian sử dụng, Nông trường Tân H thu hẹp dần vườn ươm nên các gia đình công nhân tự ý chiếm dụng đất để sử dụng, trong đó có ông Bùi Xuân T1 tự ý lấn chiếm và sử dụng cho đến nay.

Tại biên bản ngày 02/8/1989, Ủy ban nhân dân xã L, Ủy ban nhân dân xã Tân H (Viết tắt UBND xã L, UBND xã Tân H) và Nông trường Tân H đều khẳng định không cơ quan nào cấp đất này cho hộ ông Bùi Xuân T1. Thực tế vào năm 1983, khi thấy ông T1 sử dụng trên khu đất của gia đình cụ T cho Nông trường mượn, gia đình cụ T đã có đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhiều lần, nhưng không thành. Trong các cuộc họp, ông T1 công nhận đất là của gia đình cụ T, nhưng phải đền bù xứng đáng thì ông T1 mới đồng ý di dời. Do đó, các cuộc họp tại UBND xã Tân H đều không thành, gia đình cụ T liên tục có đơn khiếu nại gửi đến UBND xã Tân H.

Đến năm 2010, UBND xã Tân H hướng dẫn cho gia đình cụ T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện C(Viết tắt UBND huyện Bến Cát) khiếu nại. Dựa trên kết quả thẩm tra, xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cngày 17/11/2011, Chủ tịch UBND xã Tân H ban hành Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị T, ngụ tại: Ấp Đồng S, xã L, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương nội dung: "Bác quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị T", công nhận cho ông T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 5.669,6m^2. Do đó, cụ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát.

- *Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cnay là UBND thị xã Ccó bà Lê Thị Kim Liên đại diện trình bày:* Năm 1980, Nông trường Cao su Tân H thuộc Công ty Cổ phần Cao su Phước H1 có mượn đất của một số hộ dân thuộc xã L để sử dụng vào mục đích ươm cây cao su giống, trong đó có mượn đất của cụ Đỗ Thị T. Việc Nông trường Tân H mượn đất chỉ nói miệng, không lập văn bản. Ngày 02/8/1989, xã L kết hợp với xã Tân H cùng đại diện Nông trường có buổi làm việc với các hộ dân cho mượn đất ở xã L để giải quyết việc mượn đất của Nông trường, tại biên bản ghi nhận thêm 04 hộ dân ở xã L thống nhất cho Nông trường mượn đất thêm 01 năm là đến cuối Tháng 8 năm 1990 sẽ trả lại đất. Tổng diện tích đất cho mượn thêm là 2,2ha. Tuy nhiên, biên bản không xác định mỗi hộ cho Nông trường mượn thêm diện tích đất là bao nhiêu và cũng không xác định rõ ranh giới, vị trí tứ cận đất của mỗi hộ cho mượn.

Ngày 27/7/2010, bà Đỗ Thị G thay mặt mẹ là cụ Đỗ Thị T có đơn khiếu nại tại UBND huyện Cđể yêu cầu giải quyết việc lấn chiếm đất của ông Bùi Xuân T1 ở xã Tân H. Ngày 17/8/2010, UBND huyện Ccó Công văn số 1841/UBND-NC yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tân H xem xét giải quyết đơn của bà G. Ngày 29/11/2010, Hội đồng giải quyết tranh chấp đất đai xã Tân H có buổi làm việc với hộ ông T1 và bà G. Tuy nhiên, các hộ không nhất trí chung quan điểm nên buổi làm việc không đạt kết quả.

Ngày 09/12/2010, bà G có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Cgiải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ Đỗ Thị T với ông Bùi Xuân T1 diện tích đất khoảng 5.577m^2 đo đạc thực tế là 5.669,6m^2 tại ấp 5, xã Tân H, huyện Bến Cát. Ngày 15/12/2010, UBND huyện C có Công văn số 3028/UBND-NC yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ctiến hành tham mưu, đề xuất giải quyết theo quy định. Ngày 17/11/2011, Chủ tịch UBND huyện Cban hành Quyết định số 5474/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị T với nội dung: "Bác nội dung đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị T", công nhận cho ông Bùi Xuân T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 5.669,6m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà T và các con của bà T là bà Th, bà G.

- *Tại Bản tự khai và tại Biên bản đối thoại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân T1 trình bày:* Năm 1977, ông T1 được Đảng, Nhà nước đưa vào Nam công tác tại tỉnh Sông Bé là Tổng đội Thanh niên xung phong. Năm 1980,

ông T1 chuyển ngành vào làm công nhân Công ty Cao su Phước H1. Ông T1 thấy miếng đất diện tích 599,2m^2 bỏ hoang, cây cối và hố bom xình lầy nên khai phá sử dụng làm nhà ở từ năm 1980 cho đến nay. Do đó, ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2012/HC-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cđã quyết định:* Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T. Ngày 12/10/2012, bà Đỗ Thị T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- *Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2013/HCPT ngày 05/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:* Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2012/HC-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát.

Ngày 14/4/2014 bà Bồ Thị Th là người đại diện hợp pháp của cụ Đỗ Thị T có đơn đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 28/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 09/2019/KN-HC kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2013/HCPT ngày 05/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Tại Quyết định giám đốc thẩm số 19/2019/HC-GĐT ngày 11/10/2019 Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:* Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2013/HCPT ngày 05/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2012/HC-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- *Ngày 18/6/2020, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T là bà Bồ Thị Th có đơn yêu cầu bổ sung:* Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND huyện B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02108 ngày 15/12/2016 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Bùi Xuân T1 đối với thửa đất số 211, tờ bản đồ số 9 xã Tân H vì liên quan đến quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát.

- *Tại Văn bản số 686/UBND-NC ngày 16/3/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, cho rằng:* Huyện Cđược tách thành thị xã Cvà huyện B theo Quyết định số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cđể thành lập thị xã Cvà huyện B, gồm 07 xã L, Long Nguyên, Lai Hưng, Trừ Văn Thố, Cây Trường II, Tân H, Hưng Hòa. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện trong vụ án nêu trên.

- *Tại Biên bản hoãn đối thoại ngày 06/4/2020 và Biên bản đối thoại không thành ngày 19/6/2020, ông T1 và người đại diện hợp pháp của ông Bùi Xuân T1 ý kiến:* Phần đất diện tích 5.669,6m^2 có nguồn gốc do ông T1 khai phá sử dụng từ năm 1984, có đóng thuế từ khi khai phá đến năm 2010; ông T1 được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02108 ngày 15/12/2016. Ông T1 không đồng ý việc bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02108 ngày 15/12/2016 do UBND huyện B đã cấp cho ông Bùi Xuân T1.

- Tại Văn bản số 664/UBND-TH ngày 09/3/2020 và Văn bản số 843/UBND-TH ngày 19/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến: Do bận công việc nên đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và xét xử vắng mặt.

- Tại Văn bản ngày 05/6/2011, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông trường Cao su Tân H do ông Trần Thanh Hùng làm giám đốc trình bày: Từ lúc thành lập Nông trường đến nay gần 30 năm, đã trải qua nhiều người làm Giám đốc, có người đã chết, người nghỉ hưu, người chuyển công tác khác... nên không còn lưu giữ tài liệu liên quan đến vấn đề mượn đất và trả đất cho các hộ dân tại xã L.

- Tại Văn bản số 84/CSPH-TTBV ngày 21/02/2020, Công ty Cổ phần Cao su Phước H1 do ông Nguyễn Văn Tược làm Tổng giám đốc đại diện trình bày: Nông trường Cao su Tân H trực thuộc Công ty Cổ phần Cao su Phước H1; phần đất tranh chấp không nằm trong phần đất thuộc Công ty quản lý. Vụ việc tranh chấp xảy ra đã lâu, Nông trường đã qua nhiều thời kỳ lãnh đạo, hiện tại Nông trường không còn lưu trữ hồ sơ về việc có mượn đất của bà Đỗ Thị T hay không. Công ty đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định và yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn L trình bày: Phần đất gia đình bà Đỗ Thị T tranh chấp trước đây thuộc địa phận xã L. Ngày 02/8/1989, Ủy ban nhân dân xã L có lập biên bản giải quyết việc mượn đất của Nông trường giữa đại diện Ủy ban nhân dân xã L, đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân H, đại diện Nông trường cao su Tân H với các hộ dân; việc các hộ dân cho Nông trường mượn đất không có lập biên bản. Năm 1991, theo Chỉ thị số 364-CT ngày 06/12/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính thì phần đất gia đình bà T tranh chấp thuộc địa phận xã Tân H nên UBND xã L không còn tiếp nhận giải quyết đơn khiếu nại. Việc bà T khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Tân H có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 130, các Điều 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đỗ Thị T đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Cvề việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong

việc giải quyết tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

- Hủy Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương "về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị T".

- Hủy Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B "về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất" và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02108 ngày 15/12/2016 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Bùi Xuân T1 đối với diện tích đất 5.667,6m^2 tại thửa số 211, tờ bản đồ số 9 tại xã Tân H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/8/2020 ông Bùi Xuân T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của cụ Đỗ Thị T để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông T1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân T1 là Trần Đăng T giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của cụ Đỗ Thị T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Cvề việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc giải quyết tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bản án chưa làm rõ các nội dung của bản án.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T có bà Bồ Thị Th làm đại diện đề nghị giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân T1. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân T1 hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định hành chính số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương "về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị T"; hủy Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B "về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất". Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về Thi hành Luật đất đai năm 2003, ngày 17/11/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định số 5474/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của cụ bà Đỗ Thị T tại xã L, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Ngày 29/12/2013 của Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện C để thành lập thị xã C và huyện B. Phần đất tranh chấp thuộc thuộc xã Tân H huyện Huyện B, tỉnh Bình Dương.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về Thi hành Luật đất đai năm 2013, ban hành Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Bùi Xuân T1 thửa đất số 211, tờ bản đồ số 9, diện 5.667,6m^2 đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm thuộc xã Tân H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

[3.2] Về căn cứ ban hành quyết định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương căn cứ vào biên bản giải quyết ngày 02/8/1989, 04 hộ dân của xã L thống nhất cho Nông trường Tân H tiếp tục mượn đất thêm 01 năm là đến cuối tháng 8 năm 1990 sẽ trả lại; tổng diện tích đất cho mượn thêm là 2,2ha nhưng không xác định mỗi hộ cho Nông trường mượn thêm diện tích đất bao nhiêu, không xác định ranh giới, vị trí tứ cận đất của mỗi hộ cho mượn. Nội dung biên bản ngày 02/8/1989 thể hiện trên khu đất làm vườn ươm còn 04 hộ công nhân đang có nhà ở, nhưng không nêu cụ thể 04 hộ đó là những hộ nào; hồ sơ giấy tờ về việc cho mượn đất cũng như trả đất giữa các hộ dân với Nông trường không còn đầy đủ, Nông trường không còn lưu giữ các giấy tờ có liên quan; bà G (con cụ T) cũng không có giấy tờ chứng minh đã cho Nông trường mượn phần đất đang tranh chấp và Nông trường đã trả đất như thế nào; bà G cũng không

cung cấp được chứng cứ chứng minh gia đình có đơn khiếu nại, tranh chấp với hộ ông T1 từ năm 1990. Trên thực tế hộ ông T1 quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp ổn định, liên tục để trồng trọt và làm nhà ở từ năm 1984 đến nay; quá trình sử dụng đất có đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết đã được xã xét duyệt. Mặt khác, Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai xã Tân H xác định: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã Tân H thì sau những năm 1990 cho đến năm 2010, phía gia đình bà G không có đơn khiếu nại về vấn đề đòi lại đất. Hiện hoàn cảnh gia đình ông T1 có 01 con đang thi hành nghĩa vụ quân sự, 01 con mất khả năng lao động do bệnh bẩm sinh từ nhỏ, gia đình sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Do đó Chủ tịch UBND huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 về việc bác đơn tranh chấp đất đai của cụ bà Đỗ Thị T và công nhận cho ông T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 5.669,6m^2 .

Tuy nhiên, cụ Đỗ Thị T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ T có bà G, bà Th khai rằng: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cố Đỗ văn N (cha của cụ Đỗ Thị T) khai phá, sử dụng. Năm 1966, gia đình cụ T bị chính quyền chế độ cũ gom vào ấp chiến lược nên không sử dụng đất. Sau giải phóng, gia đình cụ T tiếp tục sử dụng đất để trồng hoa màu từ năm 1975 cho đến năm 1979. Đến năm 1980, Nông trường Cao su Tân H và chính quyền địa phương vận động gia đình cụ T và một số hộ dân khác đồng ý cho Nông trường mượn đất để làm vườn ươm. Sau một thời gian sử dụng, Nông trường Tân H thu hẹp dần vườn ươm, nên các gia đình công nhân tự ý chiếm dụng đất để sử dụng, trong đó có ông T1 tự ý lấn chiếm và sử dụng cho đến nay. Ông T1 khai: Phần đất thuộc khu vực trũng, ngập úng, gần phần đất của nông trường, năm 1984 gia đình ông đến khai phá để sử dụng, thời điểm này ông T1 làm bảo vệ nông trường, việc khai phá đất không có ai phản đối hay cản trở…Phần đất do ông T1 khai phá không nằm trong phần đất của Nông trường mượn của các hộ dân nên yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất.

[4] Xét kháng cáo của ông T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Thông báo ngày 04/7/1988 của Giám đốc Nông trường Cao su Tân H xác định: "Toàn bộ đất ở khu vực vườn ươm Tân H cũ là của địa phương cho Nông trường mượn để làm vườn ươm, chỗ nào làm vườn ươm thì địa phương cho mượn, chỗ Nông trường không làm vườn ươm là phải để bà con nông dân sản xuất, cán bộ công nhân không được chiếm dụng khi không có sự đồng ý của họ (kể cả khu vực Đội 8 cũ). Toàn bộ khu vực vườn trơm và khu đội 8 cũ Nông trường cấm không được làm (khi chưa có sự đồng ý của địa phương) số công nhân ở Đội 8 cũ sẽ có chủ trương đem ra ở tập trung thì phải chấp hành, nếu cố tình ở lại sau này xảy ra chuyện gì Nông trường không chịu trách nhiệm" (bút lục 18); Khi giải quyết giải quyết việc mượn đất của Nông trường Cao su Tân H diện tích tại ấp 5 xã L đại diện Ban Giám đốc nông trường có ý kiến: " …các thủ tục mượn đất cũng có thỏa thuận đã có bồi thường hoa màu và có một số việc xảy ra ngoài ý muốn của chúng tôi. Còn một số hộ công nhân làm lợi ích cá nhân chúng tôi không quản lý được nên xảy ra tranh chấp này. Ban Giám đốc chúng tôi cùng hai xã giải quyết. Đại diện Nông trường, Ủy ban nhân dân xã Tân H, Ủy ban nhân dân xã L thống nhất giải quyết: "04 hộ đồng ý cho nông trường mượn làm vườn ươm thêm một năm nữa đến cuối tháng 8 năm 1990 trả lại…; xã Tân H và Nông trường phải có trách nhiệm giải quyết 04 hộ công nhân và diện tích điều trên vườn ươm" (bút lục 19, 20); Tại biên bản giải quyết

ngày 25/3/2008 của UBND xã Tân H về việc giải quyết đơn của bà Bồ Thị Th và bị đơn Nguyễn Thị Thùy (bà Thùy là vợ ông T1), bà Thùy có ý kiến: Mong muốn được tiếp tục canh tác trên khu đất đó và thừa nhận nguồn gốc đất đang ở là của Nông trường cao su Tân H (NTCS Tân H) cho mượn (bút lục số 27); Tại biên bản giải quyết ngày 29/11/2010 của UBND xã L về việc giải quyết đơn của bà Đỗ Thị G và bị đơn ông Bùi Xuân T1 diện tích đất tranh chấp 5.577m^2, ông T1 yêu cầu chia mỗi gia đình ½ tổng diện tích đang tranh chấp (bút lục số 28).

Ngoài ra, những người làm chứng ông Nguyễn Văn V nguyên Phó Giám đốc Nông trường có lời khai "Toàn bộ khu đất Nông trường mượn làm vườn trơm là của dân L...theo biên bản họp ngày 02/8/1989 có nội dung xã Tân H và Nông trường có trách nhiệm giải quyết 4 hộ công nhân và số diện tích điều trên vườn trơm, công nhân này không chịu di dời và họ vẫn trong điều" (Bút lục 44); ông Thái Văn B nguyên Đội trưởng Đội vườn ươm khai: "04 hộ dân ở phía dưới vườn ươm là Bùi Xuân T1, Lê Văn T, Bùi Quang Q, còn 01 hộ nữa tôi không nhớ tên, các hộ này trồng điều. Năm 1990 - 1991, các hộ dân L có đòi 04 hộ dân trên trả đất nhưng không giải quyết được" (bút lục 45).

Như vậy có căn cứ xác định nguồn gốc của thửa đất 211, tờ bản đồ số 9, diện 5.667,6m^2 đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm thuộc xã Tân H, huyện B, tỉnh Bình Dương là của cố Đỗ văn N (cha của cụ Đỗ Thị T) khai phá, sử dụng. Sau giải phóng, gia đình cụ T tiếp tục sử dụng đất để trồng hoa màu đến năm 1980, gia đình cụ T cho Nông trường mượn đất để làm vườn ươm. Sau một thời gian sử dụng, Nông trường Tân H thu hẹp dần vườn ươm; nên các gia đình công nhân tự ý chiếm dụng đất để sử dụng, trong đó có ông Bùi Xuân T1. Khi UBND xã L về việc giải quyết đơn của bà Đỗ Thị G đối với bị đơn ông Bùi Xuân T1 diện tích đất tranh chấp 5.577m^2, ông T1 có yêu cầu chia mỗi gia đình ½ tổng diện tích đang tranh chấp.

Do đó xét Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cbác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của cụ Đỗ Thị T (do bà Đỗ Thị G đại diện theo ủy quyền) với ông Bùi Xuân T1 đối với diện tích đất 5.667.6m^2 tọa lạc tại xã Tân H huyện Bến Cát; công nhận cho ông T1 được quyền quản lý sử dụng đối với phần đất nêu trên là chưa đủ căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình cụ Đỗ Thị T. Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 "về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất", đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02108 ngày 15/12/2016 cho ông Bùi Xuân T1 đối với thửa đất số 211, tờ bản đồ số 9 xã Tân H diện tích 5.667.6m^2 là chưa phù hợp theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương "về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị T" và Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B "về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất" và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02108 ngày 15/12/2016 cấp cho

ông Bùi Xuân T1 đối với diện tích đất 5.667,6m^2 tại thửa số 211, tờ bản đồ số 9 tại xã Tân H là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T1 không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Bùi Xuân T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân T1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân Bình Dương.

2. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 130, các Điều 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đỗ Thị T đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Cvề việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc giải quyết tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

- Hủy Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) C, tỉnh Bình Dương "về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị T".

- Hủy Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B "về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất" số CH02108 ngày 15/12/2016 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Bùi Xuân T1 đối với diện tích đất 5.667,6m^2 tại thửa số 211, tờ bản đồ số 9 xã Tân H.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Xuân T1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0044730 ngày 30/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ông T1 đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)